

Стартна ранг листа

| Бр. | Име                    | ИД | ФЕД. | Ск. | Клуб/Град                     |
|-----|------------------------|----|------|-----|-------------------------------|
| 1   | Bùi Nguyễn Phúc Lâm    | 34 | VIE  | PTI | CLB Phước Tiến                |
| 2   | Cần Bảo Anh            | 17 | VIE  | YTC | TT Năng Khiếu Cờ Vua Cam Ranh |
| 3   | Cao Ngọc Tâm Thanh     | 31 | VIE  | PTI | CLB Phước Tiến                |
| 4   | Vũ Nguyễn Phương Thảo  | 29 | VIE  | PTI | CLB Phước Tiến                |
| 5   | Hà Vũ Kim Ngân         | 33 | VIE  | VKH | Cung Vhtn Khánh Hòa           |
| 6   | Hoàng Khánh Trân       | 30 | VIE  | PTI | CLB Phước Tiến                |
| 7   | Hoàng Minh Bảo An      | 15 | VIE  | ICC | Câu Lạc Bộ Icc                |
| 8   | Huỳnh Ngọc Lan Anh     | 19 | VIE  | CNT | Trung Tâm Cờ Vua Nha Trang    |
| 9   | Lê Nguyễn Hà My        | 9  | VIE  | CKC | Clb Chess Knight Nha Trang    |
| 10  | Lê Nguyễn Khánh An     | 27 | VIE  | PTI | CLB Phước Tiến                |
| 11  | Lê Nhật Bảo Trang      | 1  | VIE  | NHC | Clb Cờ Vua Ninh Hoà           |
| 12  | Lê Phạm Khánh Ngọc     | 8  | VIE  | VKH | Cung Vhtn Khánh Hòa           |
| 13  | Lê Phạm Nhã Thanh Nhi  | 22 | VIE  | PLC | Clb Phước Long Chess          |
| 14  | Lê Trần Phương Nghi    | 2  | VIE  | NHC | Clb Cờ Vua Ninh Hoà           |
| 15  | Nguyễn An Nhiên        | 21 | VIE  | CNT | Trung Tâm Cờ Vua Nha Trang    |
| 16  | Nguyễn Hà My           | 14 | VIE  | ICC | Câu Lạc Bộ Icc                |
| 17  | Nguyễn Hoài Thiên Trà  | 11 | VIE  | CKC | Clb Chess Knight Nha Trang    |
| 18  | Nguyễn Khamy           | 10 | VIE  | CKC | Clb Chess Knight Nha Trang    |
| 19  | Nguyễn Kiều Phương     | 13 | VIE  | ICC | Câu Lạc Bộ Icc                |
| 20  | Nguyễn Mai Thanh Hương | 16 | VIE  | TL2 | TH Nha Trang-PH Tân Lập 2     |
| 21  | Nguyễn Nhật Nhã Tiên   | 28 | VIE  | PTI | CLB Phước Tiến                |
| 22  | Phạm Gia Linh          | 5  | VIE  | VKH | Cung Vhtn Khánh Hòa           |
| 23  | Phạm Ngọc Khánh Phúc   | 32 | VIE  | PTA | TH Nha Trang-PH Phước Tân     |
| 24  | Phạm Ngọc Minh Khuê    | 18 | VIE  | YTC | TT Năng Khiếu Cờ Vua Cam Ranh |
| 25  | Phạm Tuyết Như         | 3  | VIE  | NHC | Clb Cờ Vua Ninh Hoà           |
| 26  | Trần Cát Duyên Anh     | 25 | VIE  | VKH | Cung Vhtn Khánh Hòa           |
| 27  | Trần Hồ Gia Hân        | 12 | VIE  | CKC | Clb Chess Knight Nha Trang    |
| 28  | Trần Thụy Bảo Ny       | 6  | VIE  | VKH | Cung Vhtn Khánh Hòa           |
| 29  | Võ Diệu Hân            | 4  | VIE  | NHC | Clb Cờ Vua Ninh Hoà           |
| 30  | Vũ Trần Châu Âu        | 20 | VIE  | CNT | Trung Tâm Cờ Vua Nha Trang    |

Ќе ги пронајдеш сите податоци за овој турнир под <https://chess-results.com/tnr1498464.aspx?lan=21>

Сервер на Chess-Tournament-Results: Chess-Results